

Số: 21/TB-HĐTT

Kim Thành, ngày 18 tháng 6 năm 2020

THÔNG BÁO
Kết quả thi Vòng 2 kỳ thi tuyển giáo viên
ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2020

Thực hiện Kế hoạch số 4654/KH-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Hải Dương về tổ chức thi tuyển giáo viên ngành Giáo dục & Đào tạo năm 2020; Thông báo số 11/TB-UBND ngày 01/02/2020 của UBND huyện về việc thi tuyển giáo viên ngành Giáo dục & Đào tạo năm 2020; Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 03/01/2020 của UBND huyện về tổ chức thi tuyển giáo viên ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2020;

Ngày 18/ 6/2020, Ủy ban nhân dân huyện Kim Thành ban hành Quyết định số 1938/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả thi Vòng 2 kỳ thi tuyển giáo viên ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Kim Thành năm 2020 đối với 111 thí sinh (có Quyết định kèm theo).

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Hội đồng thi tuyển thông báo công khai kết quả thi Vòng 2 (ngày 18/6/2020), thí sinh có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả thi Vòng 2 về Ủy ban nhân dân huyện (qua phòng Nội vụ huyện, cơ quan Thường trực của Hội đồng thi tuyển).

Thời hạn nhận đơn phúc khảo từ ngày 20/6/2020 đến hết ngày 04/7/2020

Địa chỉ nhận đơn phúc khảo: Phòng Nội vụ huyện Kim Thành (Số 64 đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương)

Lệ phí phúc khảo: 150.000 đồng/bài thi.

** Lưu ý: Hội đồng thi tuyển không giải quyết đơn phúc khảo nhận được sau thời hạn nêu trên (tính từ ngày ghi trên dấu bưu điện, nếu đơn được gửi theo đường bưu điện) và các đơn đề nghị phúc khảo gửi bằng Thư điện tử, Fax, Telex.../.*

Nơi nhận:

- Công thông tin điện tử huyện;
- Hội đồng thi tuyển;
- Thí sinh dự thi vòng 2;
- Lưu: HĐTT.

HỘI ĐỒNG THI TUYỂN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Vũ Đình Tĩnh

BẢNG ĐIỂM THI CHUYÊN NGÀNH

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Vị trí ĐKDT	Ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
1	A000001	Đoàn Vũ Thái An	Nữ	27/12/1990	Hải Dương	GVMN		MN Phú Thái	100		100.0
2	A000002	Nguyễn Thị Mai Anh	Nữ	26/09/1994	Hải Dương	GVMN		MN Cộng Hòa	83		83.0
3	A000003	Đỗ Tú Anh	Nữ	10/10/1997	Hải Dương	GVMN		MN Tuấn Việt	100		100.0
4	A000004	Bùi Thị Dung	Nữ	27/06/1997	Hải Dương	GVMN		MN Cổ Dũng	88		88.0
5	A000005	Phạm Thị Duyên	Nữ	31/03/1989	Hải Dương	GVMN		MN Phú Thái	95		95.0
6	A000006	Nguyễn Thị Giang	Nữ	12/04/1995	Hải Dương	GVMN		MN Phú Thái	90		90.0
7	A000007	Bùi Thu Hà	Nữ	07/04/1997	Hải Dương	GVMN		MN Bình Dân	90		90.0
8	A000008	Đoàn Thị Hạnh	Nữ	26/04/1993	Hải Dương	GVMN		MN Bình Dân	80		80.0
9	A000009	Phạm Thị Hằng	Nữ	05/08/1997	Hải Dương	GVMN		MN Tuấn Việt	90		90.0
10	A000010	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	12/12/1996	Hải Dương	GVMN		MN Tuấn Việt	95		95.0
11	A000011	Phạm Thị Hiền	Nữ	07/08/1983	Hải Dương	GVMN		MN Cộng Hòa	70		70.0
12	A000012	Đặng Thị Thu Hiền	Nữ	01/07/1993	Hải Dương	GVMN		MN Kim Tân	90		90.0
13	A000013	Bùi Thị Hoài	Nữ	02/04/1990	Hải Dương	GVMN		MN Đại Đức	90		90.0
14	A000014	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	06/12/1986	Hải Dương	GVMN		MN Cổ Dũng	55		55.0
15	A000015	Phạm Thị Huệ	Nữ	01/03/1994	Hải Dương	GVMN		MN Đồng Cẩm	90		90.0
16	A000016	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	06/02/1988	Hải Dương	GVMN		MN Kim Xuyên	85		85.0
17	A000017	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	16/06/1998	Hải Dương	GVMN		MN Lai Vu	68		68.0

BẢNG ĐIỂM THI CHUYÊN NGÀNH

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Vị trí ĐKDT	Ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
18	A000018	Nguyễn Thị Hương	Nữ	27/02/1984	Hải Dương	GVMN		MN Kim Tân	98		98.0
19	A000019	Nguyễn Thị Hường	Nữ	28/05/1994	Hải Dương	GVMN		MN Kim Xuyên	100		100.0
20	A000020	Trần Thị Hường	Nữ	22/08/1990	Hải Dương	GVMN		MN Thượng Vũ	98		98.0
21	A000021	Đỗ Thị Lan	Nữ	04/08/1991	Hải Dương	GVMN		MN Tuấn Việt	95		95.0
22	A000022	Nguyễn Thị Liên	Nữ	06/10/1991	Hải Dương	GVMN		MN Tuấn Việt	93		93.0
23	A000023	Nguyễn Thị Liên	Nữ	27/05/1993	Hải Dương	GVMN		MN Kim Đính	93		93.0
24	A000024	Phạm Thị Liên	Nữ	13/10/1989	Hải Dương	GVMN		MN Kim Xuyên	90		90.0
25	A000025	Nguyễn Thị Liệu	Nữ	13/12/1994	Hải Dương	GVMN		MN Kim Tân	93		93.0
26	A000026	Tô Thị Thuý Linh	Nữ	23/11/1995	Hải Dương	GVMN		MN Kim Đính	100		100.0
27	A000027	Trần Thị Loan	Nữ	04/12/1986	Hải Dương	GVMN		MN Kim Anh	90		90.0
28	A000028	Bùi Thị Luyên	Nữ	22/01/1994	Hải Dương	GVMN		MN Lai Vu	83		83.0
29	A000029	Tạ Thị Luyến	Nữ	10/12/1994	Hải Dương	GVMN		MN Tuấn Việt	78		78.0
30	A000030	Đồng Thị Lương	Nữ	19/08/1986	Hải Dương	GVMN		MN Liên Hòa	93		93.0
31	A000031	Lại Thị Lý	Nữ	03/10/1997	Hải Dương	GVMN		MN Kim Tân	80		80.0
32	A000032	Nguyễn Thị Mai	Nữ	30/08/1985	Hải Dương	GVMN		MN Thượng Vũ	88		88.0
33	A000033	Lê Thị Nam	Nữ	23/04/1991	Hải Dương	GVMN		MN Liên Hòa	88		88.0
34	A000034	Phùng Thị Nga	Nữ	15/04/1990	Hải Dương	GVMN		MN Ngũ Phúc	98		98.0

BẢNG ĐIỂM THI CHUYÊN NGÀNH

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Vị trí ĐKDT	Ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
35	A000035	Đào Thị Ngân	Nữ	28/05/1996	Hải Dương	GVMN		MN Lai Vu	90		90.0
36	A000036	Phạm Thị Nguyệt	Nữ	04/04/1995	Hải Dương	GVMN		MN Kim Xuyên	93		93.0
37	A000037	Lê Thanh Nhân	Nữ	16/09/1995	Hải Dương	GVMN		MN Đại Đức	90		90.0
38	A000038	Đỗ Thị Oanh	Nữ	29/11/1988	Hải Dương	GVMN		MN Kim Liên	95		95.0
39	A000039	Trần Thị Phượng	Nữ	30/08/1995	Hải Dương	GVMN		MN Kim Liên	95		95.0
40	A000040	Bùi Thị Quyên	Nữ	22/05/1997	Hải Dương	GVMN		MN Lai Vu	90		90.0
41	A000041	Đào Thị Quỳnh	Nữ	17/07/1996	Hải Dương	GVMN		MN Cộng Hòa	90		90.0
42	A000042	Nguyễn Thanh Sơn	Nữ	23/12/1994	Hải Dương	GVMN		MN Kim Liên	93		93.0
43	A000044	Phùng Thị Thao	Nữ	14/11/1989	Hải Dương	GVMN		MN Cổ Dũng	95		95.0
44	A000045	Vũ Thị Thảo	Nữ	25/02/1995	Hải Dương	GVMN		MN Tuấn Việt	95		95.0
45	A000046	Lê Thị Thắm	Nữ	09/03/1987	Hải Dương	GVMN		MN Kim Xuyên	88		88.0
46	A000047	Nguyễn Thị Thơm	Nữ	21/03/1989	Hải Dương	GVMN		MN Kim Anh	85		85.0
47	A000048	Phạm Thị Thùy	Nữ	17/09/1991	Hải Dương	GVMN		MN Bình Dân	93		93.0
48	A000049	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	09/05/1992	Hải Dương	GVMN		MN Cổ Dũng	93		93.0
49	A000050	Nguyễn Thị Tính	Nữ	20/09/1991	Hải Dương	GVMN		MN Kim Tân	90		90.0
50	A000051	Nguyễn Thị Ngọc Tú	Nữ	08/08/1993	Hải Dương	GVMN		MN Kim Liên	85		85.0
51	A000052	Đỗ Thị Uyên	Nữ	08/08/1992	Hải Dương	GVMN		MN Tuấn Việt	85		85.0

BẢNG ĐIỂM THI CHUYÊN NGÀNH

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Vị trí ĐKDT	Ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
52	A000053	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	30/10/1996	Hải Dương	GVMN		MN Tuấn Việt	85		85.0
53	A000054	Phạm Thị Minh Yến	Nữ	14/06/1989	Hải Dương	GVMN		MN Tuấn Việt	90		90.0
54	A000055	Vũ Thị Yến	Nữ	19/03/1989	Hải Dương	GVMN		MN Cộng Hòa	90		90.0
55	B010056	Tô Phương Anh	Nữ	08/06/1996	Hải Dương	Văn hóa		TH Cổ Dũng	73		73.0
56	B010057	Nguyễn Việt Chinh	Nữ	06/12/1998	Hải Dương	Văn hóa		TH Thượng Vũ	68		68.0
57	B010058	Đổng Thị Quỳnh Diên	Nữ	18/04/1995	Hải Dương	Văn hóa		TH Liên Hòa	75		75.0
58	B010059	Bùi ánh Dung	Nữ	07/01/1998	Hải Dương	Văn hóa		TH Đại Đức	69		69.0
59	B010060	Nguyễn Thị Dung	Nữ	27/06/1988	Hải Dương	Văn hóa		TH Cộng Hòa	76		76.0
60	B010061	Nguyễn Thị Duyên	Nữ	20/02/1997	Hải Dương	Văn hóa		TH Kim Tân	77		77.0
61	B010062	Nguyễn Thị Giang	Nữ	02/05/1987	Hải Dương	Văn hóa		TH Lai Vu	78		78.0
62	B010063	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	24/12/1996	Hải Dương	Văn hóa		TH Cổ Dũng	82		82.0
63	B010064	Lục Thị Hồng	Nữ	03/10/1996	Hải Dương	Văn hóa		TH Kim Định	80		80.0
64	B010065	Trần Thị Huyền	Nữ	24/02/1988	Hải Dương	Văn hóa		TH Đại Đức	81		81.0
65	B010066	Bùi Thị Liên	Nữ	03/07/1988	Hải Dương	Văn hóa		TH Kim Tân	84		84.0
66	B010067	Bùi Thị Linh	Nữ	02/07/1994	Hải Dương	Văn hóa		TH Lai Vu	62		62.0
67	B010068	Đinh Thị Ngọc Minh	Nữ	18/04/1997	Hải Dương	Văn hóa		TH Đại Đức	67		67.0
68	B010069	Tiêu Thị Nhân	Nữ	18/08/1988	Hải Dương	Văn hóa		TH Tuấn Việt	85		85.0

BẢNG ĐIỂM THI CHUYÊN NGÀNH

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Vị trí ĐKDT	Ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
69	B010070	Bùi Thị Phương	Nữ	16/08/1986	Hải Dương	Văn hóa		TH Tuấn Việt	74		74.0
70	B010071	Dương Thị Thu Phương	Nữ	29/12/1987	Hải Dương	Văn hóa		TH Kim Đính	87		87.0
71	B010072	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	13/07/1995	Hải Dương	Văn hóa		TH Lai Vu	74		74.0
72	B010073	Đổng Thị Tâm	Nữ	08/06/1995	Hải Dương	Văn hóa		TH Tam Kỳ	71		71.0
73	B010074	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Nữ	03/03/1998	Hải Dương	Văn hóa		TH Đại Đức	69		69.0
74	B010075	Bùi Thị Thành	Nữ	08/05/1990	Hải Dương	Văn hóa		TH Lai Vu	76		76.0
75	B010076	Bùi Thị Hồng Thắm	Nữ	27/09/1983	Hải Dương	Văn hóa		TH Đại Đức	77		77.0
76	B010077	Lê Thị Thắm	Nữ	24/07/1990	Hải Dương	Văn hóa		TH Bình Dân	72		72.0
77	B010078	Đỗ Thị Thơm	Nữ	29/11/1992	Hải Dương	Văn hóa		TH Đại Đức	59		59.0
78	B010079	Nguyễn Thị Ninh Thu	Nữ	27/01/1997	Hải Dương	Văn hóa		TH Bình Dân	72		72.0
79	B010080	Bùi Thị Thư	Nữ	21/10/1997	Hải Dương	Văn hóa		TH Tuấn Việt	80		80.0
80	B010081	Đàm Thị Tính	Nữ	22/02/1992	Hải Dương	Văn hóa		TH Kim Liên	88		88.0
81	B010082	Hoàng Thị Toan	Nữ	18/09/1987	Hải Dương	Văn hóa		TH Tuấn Việt	62		62.0
82	B010083	Vũ Thị Hà Trang	Nữ	23/07/1995	Hải Dương	Văn hóa		TH Lai Vu	81		81.0
83	B010084	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	01/01/1996	Hà Giang	Văn hóa		TH Kim Đính	67		67.0
84	B010085	Nguyễn Thị Trang	Nữ	08/10/1989	Hải Dương	Văn hóa		TH Tuấn Việt	69		69.0
85	B010086	Đỗ Thị Thu Uyên	Nữ	08/06/1997	Hải Dương	Văn hóa		TH Đồng Cẩm	79		79.0

BẢNG ĐIỂM THI CHUYÊN NGÀNH

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Vị trí ĐKDT	Ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
86	B010087	Nguyễn Thị Vần	Nữ	22/04/1986	Hải Dương	Văn hóa		TH Kim Xuyên	77		77.0
87	B010088	Nguyễn Hà Vi	Nữ	27/05/1998	Hải Dương	Văn hóa		TH Kim Đính	76		76.0
88	B010089	Hoàng Thị Hải Yến	Nữ	02/09/1996	Hải Dương	Văn hóa		TH Kim Liên	77		77.0
89	B010090	Hoàng Thị Yến	Nữ	23/02/1994	Hải Dương	Văn hóa		TH Liên Hòa	76		76.0
90	B010091	Trần Thị Yến	Nữ	20/07/1994	Hải Dương	Văn hóa		TH Kim Xuyên	71		71.0
91	B040092	Phạm Thị Nguyệt	Nữ	24/12/1989	Hải Dương	Mỹ thuật-TH		TH Kim Anh	72		72.0
92	C110094	Phạm Thị Hòa An	Nữ	14/11/1996	Hải Dương	Văn-THCS		THCS Đông Cẩm	54		54.0
93	C110095	Lương Thị Huyền	Nữ	03/02/1984	Hải Dương	Văn-THCS		THCS Kim Đính	75		75.0
94	C110096	Đỗ Thị Mát	Nữ	21/02/1988	Hải Dương	Văn-THCS		THCS Đông Cẩm	73		73.0
95	C110097	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	30/01/1990	Hải Dương	Văn-THCS		THCS Đông Cẩm	X		0.0
96	C110098	Nguyễn Thị Bích Phượng	Nữ	14/05/1986	Hải Dương	Văn-THCS	B	THCS Kim Đính	68	5.0	73.0
97	C110099	Lê Thị Quỳnh	Nữ	09/11/1991	Hải Dương	Văn-THCS		THCS Kim Đính	64		64.0
98	C120101	Nguyễn Thảo Ngọc	Nữ	11/11/1994	Hải Dương	Toán-THCS		THCS Đại Đức	73		73.0
99	C120102	Lê Thị Ngọc	Nữ	15/04/1994	Hải Dương	Toán-THCS		THCS Đại Đức	69		69.0
100	C130103	Phạm Thị Dung	Nữ	10/11/1992	Hải Dương	Lý-THCS		THCS Cổ Dũng	60		60.0
101	C130104	Nguyễn Thị Yến	Nữ	07/10/1990	Hải Dương	Lý-THCS		THCS Cổ Dũng	29		29.0
102	C160105	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	24/08/1994	Hải Dương	T.Anh-THCS		THCS Kim Liên	59		59.0

BẢNG ĐIỂM THI CHUYÊN NGÀNH

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Vị trí ĐKDT	Ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
103	C160106	Phan Thị Lan	Nữ	25/04/1989	Hải Dương	T.Anh-THCS	B	THCS Đông Cẩm	80	5.0	85.0
104	C160107	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	12/05/1990	Hải Dương	T.Anh-THCS		THCS Đông Cẩm	70		70.0
105	C160108	Đinh Hà Phương	Nữ	25/09/1998	Hải Dương	T.Anh-THCS		THCS Kim Liên	72		72.0
106	C160110	Đoàn Thị Hải Yến	Nữ	21/05/1995	Hải Dương	T.Anh-THCS		THCS Kim Xuyên	64		64.0
107	C180111	Nguyễn Thị Quỳnh	Nữ	01/09/1991	Hải Dương	Địa-THCS		THCS Tuấn Việt	62		62.0
108	C180112	Đỗ Thị Thắm	Nữ	20/10/1987	Hải Dương	Địa-THCS		THCS Tuấn Việt	71		71.0
109	C180113	Đông Thị Thanh Thư	Nữ	17/07/1994	TP. Hồ Chí Minh	Địa-THCS		THCS Đông Cẩm	77		77.0
110	C180114	Vũ Thị Xuân	Nữ	19/10/1995	Hải Dương	Địa-THCS		THCS Đông Cẩm	47		47.0
111	C190115	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	11/06/1992	Hải Dương	GD&ĐT-THCS		THCS Cổ Dũng	67		67.0
112	C200116	Nguyễn Thị Len	Nữ	18/01/1988	Hải Dương	C.nghệ-THCS		THCS Đại Đức	67		67.0